

MÔ TẢ HAI LOÀI SÁN LÁ
THUỘC GIỐNG *Pleorchis* Railliet, 1896 (Trematoda: Acanthocolpidae)
KÝ SINH TRÊN CÁ BIỂN VỊNH BẮC BỘ, VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN TĂNG

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

HÀ DUY NGỌ, NGUYỄN VĂN HÀ

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Họ Acanthocolpidae Luhe, 1906 gồm 17 loài sán lá đã được phát hiện ở cá biển Việt Nam, chủ yếu ở vùng nước sâu ở vịnh Bắc Bộ và biển Đông (Arthur et Te, 2006). Trong vài năm gần đây, 5 loài sán lá ký sinh ở các loài cá ven bờ Hải Phòng đã được phát hiện bổ sung cho khu hệ sán lá ký sinh ở cá biển Việt Nam, 3 loài thuộc giống *Stephanostomum* Looss, 1899 đã được mô tả (Nguyễn Văn Hà và Hà Duy Ngọ, 2010). Bài viết này mô tả bổ sung các loài sán lá của giống *Pleorchis* Railliet, 1896: Loài *Pleorchis hainanensis* Shen, 1983 ký sinh ở cá đù (*Nibea albiflora*) và *P. sciaenae* Yamaguti, 1938 ký sinh ở cá tráp (*Acanthopagus berda*).

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các loài cá biển được thu trực tiếp tại các thuyền đánh cá, bến cá trên vịnh Bắc Bộ (khu vực Hải Phòng), được bảo quản bằng đá lạnh và tiến hành nghiên cứu ngay để thu mẫu sán lá. Các mẫu vật sán lá được để dưới ánh sáng tự nhiên trong nước, định hình và bảo quản trong cồn 70%. Sán lá được nhuộm axit cacmin, loại nước qua các dung dịch cồn 70%, 80%, 95%, 100%, làm trong bằng xylen và gắn nhựa canada.

Các mẫu vật được lưu giữ và bảo quản tại Phòng Ký sinh trùng học, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. *Pleorchis hainanensis* Shen, 1983 (hình 1)

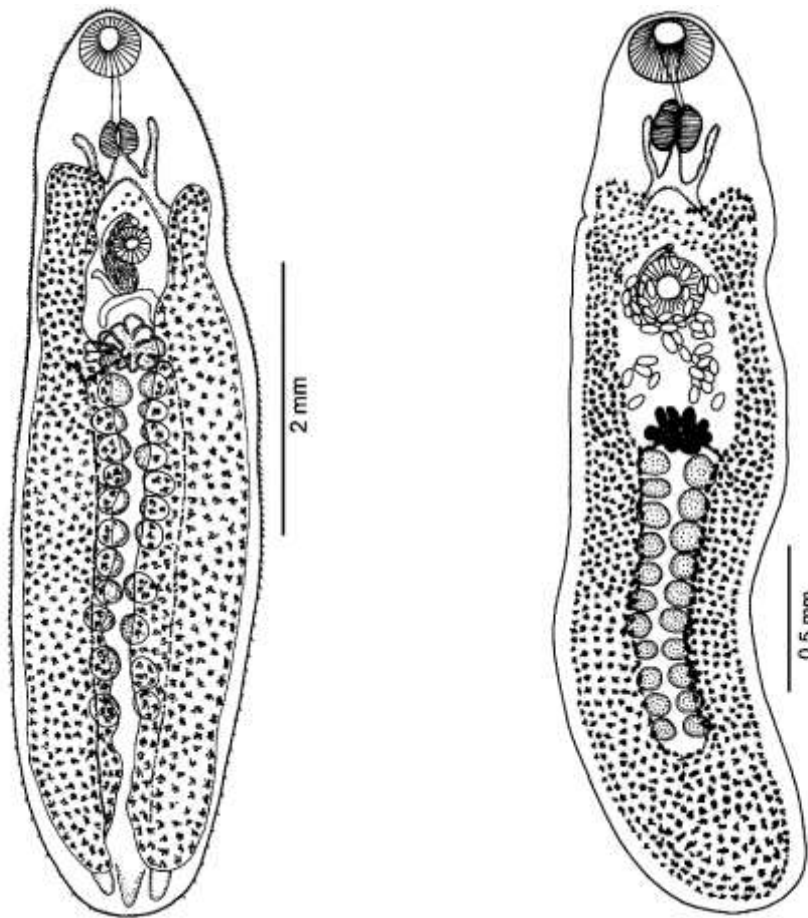
Vật chủ: Cá Đù nanh (*Nibea albiflora*).

Nơi ký sinh: Ruột.

Nơi phát hiện khác: Trung Quốc (Hải Nam, vùng lãnh thổ Đài Loan).

Mô tả (12 mẫu vật):

Cơ thể dẹt, dạng oval, dài 5,20-6,80mm, rộng nhất ở vùng tinh hoàn 1,425-1,950mm, mút trước và mút sau cơ thể tròn. Bề mặt cơ thể phủ gai nhỏ, dày đặc ở phần trước, thưa ở phần sau. Phần trước cơ thể dài 1,625mm, chiếm 23,9% chiều dài cơ thể. Phần sau dài 4,90mm. Hai giác tròn, giác miệng ở gần mút trước cơ thể, lớn hơn giác bụng, giác bụng nằm ở khoảng 1/4 chiều dài cơ thể. Kích thước giác miệng 0,275-0,450 × 0,290-0,470mm, giác bụng 0,245-0,280 × 0,225-0,285mm, tỷ lệ 2 giác 1: 1,3-1,6. Trước hầu phát triển, tương đối dài, kích thước 0,265-0,350mm. Hầu hình cầu, kích thước tương đương giác bụng, đường kính 0,210-0,290mm. Khoảng cách giữa mép sau hầu và mép trước giác bụng 0,490-0,530mm. Thực quản rất ngắn, rộng. Ruột dạng chữ H, chẻ đôi ở phần trước cơ thể; phần trước hẹp, dài, đôi khi kéo dài đến ngang mép trước của hầu, phần sau kéo dài đến tận mút sau cơ thể, khoảng cách giữa mép trước hầu đến mép trước ruột là 0,180-0,240mm.



Hình 1. *Pleorchis hainanensis* Shen, 1983 Hình 2. *Pleorchis sciaenae* Yamaguti, 1938

Tinh hoàn nhiều, xếp thành 4 hàng song song, 2 hàng mặt bụng và 2 hàng mặt lưng; thường bị tuyến noãn hoàng che lấp một phần; số lượng tinh hoàn đếm được là 44. Tinh hoàn hình cầu, oval, không phân thùy và khá đều nhau, kích thước 0,140-0,190mm. Chiều dài hàng tinh hoàn 1,925-2,675mm. Vùng sau tinh hoàn 0,950-1,400mm. Khoảng cách giữa giác bụng và tinh hoàn trước 0,650-0,880mm. Túi sinh dục cong, luôn gói về bên phải giác bụng, đáy túi kéo dài về phần sau cơ thể ở khoảng giữa mép sau giác bụng và buồng trứng, kích thước 0,600-0,775 × 0,200-0,215mm. Khoảng cách giữa giác bụng và mép sau túi sinh dục 0,255-0,280mm. Túi chứa tinh hình trụ, nằm ở đáy túi sinh dục, có chiều dài 0,300-0,400mm. Tuyến tiền liệt ngắn, dạng oval nối với ống phóng tinh ngắn. Lỗ sinh dục nằm ngay trên giác bụng, ở chính giữa cơ thể. Buồng trứng chia làm 10-12 thùy hoặc hơn, có chiều rộng lớn hơn chiều dài, nằm sau giác bụng, ngay trước tinh hoàn nhưng không đề lên tinh hoàn, kích thước 0,285-0,430 × 0,440-0,620mm, cách giác bụng 0,395mm. Tuyến noãn hoàng gồm rất nhiều bao noãn nhỏ, bắt đầu từ ngang mép sau của hầu, cách nút trước cơ thể 1,075-1,175mm, kéo dài dọc 2 bên cơ thể, che lấp một phần các hàng tinh hoàn, đến tận nút sau cơ thể nhưng không che lấp nút sau 2 nhánh ruột. Tử cung gồm các gấp khúc, nằm giữa buồng trứng và giác bụng, giữa 2 nhánh ruột. Trứng màu vàng nhạt, hình oval, kích thước 0,050-0,060 × 0,033-0,045mm.

Nhận xét: Loài *Pleorchis hainanensis* được Shen (1983) phát hiện ở cá Nạng bạc (*Pennahia anea*) ở biển Trung Quốc, có các đặc điểm sai khác với mẫu vật Việt Nam là tỷ lệ

giữa giác miệng và giác bụng là 1: 0,62 (Bartoli *et al.*, 2004). Đây là lần đầu tiên loài *P. hainanensis* được phát hiện ký sinh ở cá biển Việt Nam, cá Đù nanh là vật chủ mới của loài sán lá này.

2. *Pleorchis sciaenae* Yamaguti, 1938 (hình 2)

Vật chủ: Cá Tráp (*Acanthopagrus berda*).

Nơi ký sinh: Ruột.

Nơi phát hiện khác: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Việt Nam (biển Đông).

Mô tả (3 mẫu vật):

Cơ thể dạng oval, dài 2,78-3,40mm, rộng nhất ở vùng buồng trứng 0,72-0,90mm, nút trước tròn, nút sau tù. Bề mặt cơ thể phủ gai nhỏ, dày đặc ở phần trước, thưa ở phần sau. Hai giác tròn; giác miệng ở gần nút trước cơ thể, lớn hơn giác bụng; giác bụng nằm ở khoảng 1/4 chiều dài cơ thể; kích thước giác miệng 0,192-0,264 × 0,288-0,296mm; giác bụng có đường kính 0,185-0,212mm. Trước hậu phát triển, tương đối dài, kích thước 0,100-0,132mm. Hậu phát triển, dạng oval, kích thước 0,140-0,168 × 0,168-0,185mm. Khoảng cách giữa mép sau hậu và mép trước giác bụng 0,216-0,350mm. Ruột dạng chữ H, chẻ đôi ở phần trước cơ thể; phần trước hẹp, dài, kéo dài đến gần mép trước của hậu.

Tinh hoàn nhiều, xếp thành 4 hàng song song, 2 hàng mặt bụng và 2 hàng mặt lưng; thường bị tuyến noãn hoàng che lấp một phần; số lượng tinh hoàn đếm được ở mỗi hàng là 11. Tinh hoàn hình cầu, oval, không phân thùy và khá đều nhau về kích thước từ 0,068-0,100mm. Chiều dài hàng tinh hoàn 0,88-1,05mm. Khoảng cách giữa giác bụng và tinh hoàn trước 0,472-0,528mm. Túi sinh dục cong, luôn gối về bên phải giác bụng; đáy túi bị che lấp bởi các gập khúc tử cung. Lỗ sinh dục nằm ngay trên giác bụng, ở chính giữa cơ thể. Buồng trứng chia làm nhiều thùy, có chiều rộng lớn hơn chiều dài; nằm sau giác bụng, ngay trước tinh hoàn nhưng không dè lên tinh hoàn; kích thước 0,160-0,200 × 0,280-0,300mm. Tuyến noãn hoàng gồm rất nhiều bao noãn nhỏ, bắt đầu từ ngang chỗ nhánh ruột chẻ đôi, cách nút trước cơ thể 0,504-0,550mm, kéo dài dọc 2 bên cơ thể, che lấp một phần các hàng tinh hoàn, đến tận nút sau cơ thể, che lấp 2 nhánh ruột; phần trước và phần sau tuyến noãn hoàng nhập lại với nhau. Tử cung gồm các gập khúc, nằm giữa buồng trứng và giác bụng, giữa 2 nhánh ruột. Trứng màu vàng nhạt, hình oval, kích thước 0,060-0,080 × 0,032-0,040mm.

Nhận xét: Loài *P. sciaenae* Yamaguti, 1938 đã được phát hiện ký sinh trên nhiều vật chủ trong khu vực Tây Thái Bình Dương. Ở Việt Nam, Oschmarin (1965) đã phát hiện loài sán lá này ký sinh trên một vật chủ thuộc họ Scienidae. Như vậy, cá Tráp là vật chủ mới của loài này.

Thảo luận: Giống *Pleorchis* bao gồm 14 loài (Bartoli *et al.*, 2004), trong đó 4 loài có số lượng tinh hoàn nhiều hơn 50: *P. americanus* Lühe, 1906 (54-56 tinh hoàn); *P. californiensis* Manter et Van Cleave, 1951 (92-108 tinh hoàn); *P. uku* Yamaguti, 1970 (50-54 tinh hoàn); *P. mamaevi* Parukhin, 1974 (56 tinh hoàn) và 10 loài có số lượng tinh hoàn ít hơn hoặc bằng 44: *P. magnaporus* Arai, 1963 (44 tinh hoàn); *P. psettodesai* S. P. Gupta et R. C. Gupta, 1978 (40-44 tinh hoàn); *P. indicum* V. Gupta et Puri, 1980 (44 tinh hoàn); *P. arabicus* Al-Yamani et Nahhas, 1981 (44 tinh hoàn); *P. nibeae* Shen, 1983 (29-40 tinh hoàn); *P. sciaenae* Yamaguti, 1938 (44-48 tinh hoàn); *P. ghanensis* Fischthal et Thomas, 1968 (44 tinh hoàn); *P. hainanensis* Shen, 1983 (44 tinh hoàn); *P. polyorchis* (Stossich, 1889) (44 tinh hoàn) và *P. puriensis* Gupta et Ahmad, 1976 (44 tinh hoàn).

Hai loài *P. sciaenae* Yamaguti, 1938 và *P. hainanensis* Shen, 1983 đều được phát hiện ở các vùng biển của Trung Quốc và thuộc nhóm các loài sán lá có tuyến noãn hoàng kéo dài sâu

vào vùng trước cơ thể nhưng khác nhau ở chỗ loài *P. hainanensis* có kích thước cơ thể lớn hơn; tỷ lệ phần sau cơ thể dài hơn; trước hầu và thực quản dài hơn.

Lời cảm ơn: Công trình này được tài trợ kinh phí từ dự án hợp tác quốc tế giữa Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam với Viện Hàn lâm Khoa học Nga và Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 106.15-2012.08.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Arthur J. R., B. Q. Te,** 2006. Checklist of parasites of fishes of Vietnam, FAO Fisheries Technical Paper 369/2, 123 pp.
2. **Bartoli P., Gibson D. I., Bray R. A.,** 2004. *Systematic Parasitology*, 58: 81-90.
3. **Jones A., Bray R. A., Gibson D. I.,** 2005. Keys to the Trematoda, vol. 2. Wallingford: CABI Publishing and The Natural History Museum.
4. **Nguyễn Văn Hà, Hà Duy Ngô,** 2010. *Tạp chí Sinh học*, 32 (1): 1-5.
5. **Oshmarin P. G.,** 1965. Materials on the trematode fauna of marine and freshwater fishes of the Democratic Republic of Vietnam, p. 213-249 (in Russian).
6. **Parukhin A.m.,** 1966. New species of trematodes parasiting fish of the Gulf of Tonkin, p. 97-104 (In Russian).

REDESCRIPTION OF *Pleorchis* spp. (Trematoda: Acanthocolpidae) PARASITE IN MARINE FISHES FROM TONKIN GULF, VIETNAM

NGUYEN VAN TANG, HA DUY NGO, NGUYEN VAN HA

SUMMARY

Two species of *Pleorchis* Railliet, 1896 are described from Tonkin gulf, Vietnam. *Pleorchis sciaenae* Yamaguti, 1938 from the intestine of *Acanthopagus berda*, has 44 testes; in the anterior limit of its vitelline fields, which never reach the pharynx, and a much longer hindbody in relation to the size of the forebody và *P. hainanensis* Shen, 1983 from the intestine of *Nibeia albiflora*, has 44 testes. This species can be distinguished from *P. sciaenae* by a relatively much longer hindbody, a long prepharynx and oesophagus, and an intestinal bifurcation well anterior to the ventral sucker.